

UBND TỈNH KON TUM

Biểu số 57/CK-NSNN

CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 311 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Kinh phí sự nghiệp			Kinh phí sự nghiệp		
					Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1=2+3	2=5	3=8+11	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9
	TỔNG SỐ	466.947	-	466.947	159.011	159.011	-	307.936	307.936	-
I	Cấp tỉnh	125.623	-	125.623	14.630	14.630	-	110.993	110.993	-
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	13.851		13.851	4.171	4.171		9.680	9.680	
2	Sở Y tế	6.017		6.017	970	970		5.047	5.047	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	62.770		62.770	6.095	6.095		56.675	56.675	
4	Sở Nội vụ	3.163		3.163	1.159	1.159		2.004	2.004	
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6.523		6.523	1.163	1.163		5.360	5.360	
6	Trường Cao đẳng Kon Tum	1.072		1.072	1.072	1.072		-	-	
7	Sở Dân tộc và Tôn giáo	22.137		22.137				22.137	22.137	

TT	Đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Kinh phí sự nghiệp			Kinh phí sự nghiệp		
					Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1=2+3	2=5	3=8+11	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9
8	Sở Công Thương	435		435				435	435	
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	6.086		6.086				6.086	6.086	
10	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	323		323				323	323	
11	Hội Nông dân tỉnh	323		323				323	323	
12	Tinh đoàn	323		323				323	323	
13	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	129		129				129	129	
14	Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh uỷ	43		43				43	43	
15	Sở Tài chính	86		86				86	86	
16	Sở Tư pháp	168		168				168	168	
17	Sở Xây dựng	43		43				43	43	
18	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh khu vực 11	43		43				43	43	
19	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	452		452				452	452	

TT	Đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Kinh phí sự nghiệp			Kinh phí sự nghiệp		
					Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1=2+3	2=5	3=8+11	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9
20	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy	426		426				426	426	
21	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	43		43				43	43	
22	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	43		43				43	43	
23	Công an tỉnh	1.124		1.124				1.124	1.124	
II	Cấp huyện	341.324	-	341.324	144.381	144.381	-	196.943	196.943	
1	Huyện Tu Mơ Rông	66.218		66.218	27.885	27.885		38.333	38.333	
2	Huyện Kon Plông	43.300		43.300	25.980	25.980		17.320	17.320	
3	Huyện Ia H'Drai	28.988		28.988	15.457	15.457		13.531	13.531	
4	Huyện Đăk Glei	40.407		40.407	12.973	12.973		27.434	27.434	
5	Huyện Sa Thầy	34.029		34.029	13.762	13.762		20.267	20.267	
6	Huyện Kon Rẫy	27.938		27.938	9.232	9.232		18.706	18.706	
7	Huyện Đăk Tô	29.488		29.488	9.599	9.599		19.889	19.889	

TT	Đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Kinh phí sự nghiệp			Kinh phí sự nghiệp		
					Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1=2+3	2=5	3=8+11	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9
8	Huyện Đắk Hà	29.160		29.160	12.273	12.273		16.887	16.887	
9	Huyện Ngọc Hồi	20.707		20.707	7.394	7.394		13.313	13.313	
10	Thành phố Kon Tum	21.089		21.089	9.826	9.826		11.263	11.263	